

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; ☒ Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Thủy sản**; Chuyên ngành: **Nuôi trồng thủy sản**

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **PHAN PHƯƠNG LOAN**

2. Ngày tháng năm sinh: 12-07-1977; Nam; ☐ Nữ; ☒ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 168, Tổ 5, Ấp Phú Hữu, TT. Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 1E3, Lý Thái Tổ nối dài, phường Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0834.574.574;

E-mail: pploan@agu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Tháng 6/2000-6/2001: Nhân viên Công ty Agifish, An Giang

Từ tháng 6/2001 đến tháng 9/2016: Giảng viên - Giảng viên Bộ môn Thủy sản, Khoa Nông nghiệp - TNTN, trường Đại học An Giang

Từ tháng 10/2016 – tháng 8/2018: Giảng viên - Phó Trưởng Bộ môn Thủy sản, Khoa Nông nghiệp - TNTN, trường Đại học An Giang

Từ tháng 3/2018 – 3/2020: Giảng viên - Trưởng Bộ môn Thủy sản, Khoa Nông nghiệp - TNTN, trường Đại học An Giang

Từ tháng 3/2020 tháng 11/2022: Phó Trưởng Khoa, Khoa Nông nghiệp - TNTN, trường Đại học An Giang

Từ tháng 12/2022 đến tháng 6/2024: Phó Trưởng Khoa (phụ trách Khoa), Khoa Nông nghiệp - TNTN, trường Đại học An Giang

Từ tháng 7 năm 2024 đến nay (tháng 6 năm 2025): Giảng dạy - Trường Đại học An Giang.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Nông nghiệp - TNTN, trường Đại học An Giang

Địa chỉ cơ quan: Số 18, Ung Văn Khiêm, P. Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Điện thoại cơ quan: 0296 6256565

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 6 năm 2000; số văn bằng:102626; chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 27 tháng 2 năm 2007; số văn bằng: A025959; chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 12 năm 2016; số văn bằng: 0000025; ngành: Nuôi trồng thủy sản; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... , ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Chăn nuôi-Thủy y-Thủy sản.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Nghiên cứu sinh học và phát triển kỹ thuật sản xuất giống các loài thủy sản nước ngọt, tập trung vào các loài thủy sản bản địa có giá trị kinh tế

(2) Nghiên cứu cải tiến quy trình kỹ thuật nuôi một số loài thủy sản có giá trị kinh tế

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 04 đề tài cấp tỉnh

- Đã công bố (số lượng) 16 bài báo khoa học, trong đó 5 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 03, trong đó 03 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không có.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Về tiêu chuẩn Nhà giáo: bản thân luôn ý thức sâu sắc vai trò và trách nhiệm của một nhà giáo trong môi trường đại học, không ngừng phấn đấu, rèn luyện và hoàn thiện bản thân để đáp ứng ở mức cao nhất các tiêu chuẩn nghề nghiệp theo quy định hiện hành. Tôi luôn nỗ lực giữ gìn phẩm chất đạo đức, tác phong chuẩn mực và tinh thần gương mẫu trong giảng dạy cũng như trong cuộc sống, nhằm trở thành tấm gương sáng cho sinh viên noi theo. Qua quá trình công tác và tự đánh giá bản thân, tôi hoàn toàn có thể đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định hiện hành.

- Về nhiệm vụ Nhà giáo: Tôi luôn nghiêm túc thực hiện đầy đủ và hiệu quả các nhiệm vụ của một nhà giáo theo quy định hiện hành. Trong công tác giảng dạy, tôi không chỉ hoàn thành nhiệm vụ được giao mà còn thường xuyên vượt định mức, đảm bảo chất lượng và hiệu quả học tập cho sinh viên. Bên cạnh giảng dạy, tôi tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, đóng góp nhiều công trình có giá trị thực tiễn và chuyên môn. Ở vai trò quản lý chuyên môn với cương vị Trưởng Khoa, tôi luôn nỗ lực điều hành, phối hợp và hỗ trợ đồng nghiệp hoàn thành tốt công tác giảng dạy, nghiên cứu và phát triển học thuật mang tính liên ngành. Với tinh thần trách nhiệm cao, tôi tự đánh giá bản thân đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của một nhà giáo theo đúng quy định hiện hành.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 23 (không tính thời gian tập sự và thời gian đi học ở nước ngoài)

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK 2/ BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |      | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/Số giờ chuẩn định mức <sup>(*)</sup> |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|--------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                      |                                         | ĐH                                 | SDH  |                                                                                                      |
| 1               | 2018-2019 |                           |     |                                      | 7                                       | 318,5                              |      | 318,5/274,5/216                                                                                      |
| 2               | 2019-2020 |                           |     |                                      | 1                                       | 243,5                              | 67.5 | 311/255/205,2                                                                                        |
| 3               | 2021-2022 |                           |     |                                      | 2                                       | 240                                |      | 240/264/189                                                                                          |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                      |                                         |                                    |      |                                                                                                      |
| 4               | 2022-2023 |                           |     |                                      | 5                                       | 250                                |      | 210/250/170.1                                                                                        |
| 5               | 2023-2024 |                           |     |                                      | 0                                       | 228                                |      | 228/228/162                                                                                          |
| 6               | 2024-2025 |                           |     |                                      | 4                                       | 401                                | 101  | 511/408/162                                                                                          |

**Chú thích:**

Định mức giờ chuẩn của giảng viên các năm học 2022-2023, 2023-2024 và 2024-2025 là 270 giờ chuẩn/năm học (Theo Quyết định số 2320/QĐ-ĐHAG ngày 31/12/2021 và Quyết định số 3079/QĐ-ĐHAG ngày 12/12/2024 quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học An Giang).

- Năm học 2019-2020, có khoảng thời gian 6 tháng là phó Trưởng Khoa và 7 tháng là Phó Trưởng Khoa (Phụ trách Khoa) nên định mức giảng dạy là:  $6/10 \times 270 \times 80\% + 4/10 \times 270 \times 70\% = 205,2$  giờ chuẩn

- Năm học 2022-2023, có khoảng thời gian 3 tháng là phó Trưởng Khoa và 7 tháng là Phó Trưởng Khoa (Phụ trách Khoa) nên định mức giảng dạy là:  $3/10 \times 270 \times 70\% + 7/10 \times 270 \times 60\% = 170,1$  giờ chuẩn

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

**3. Ngoại ngữ:**

**3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS hoặc TSKH ☐

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp: .....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; ☐ Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): VB2 Ngôn ngữ Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS<br>hoặc<br>HVCH/CK2/<br>BSNT | Đối tượng |                   | Trách nhiệm<br>hướng dẫn |     | Thời gian<br>hướng dẫn<br>từ ... đến<br>... | Cơ sở đào<br>tạo | Ngày, tháng,<br>năm được cấp<br>bằng/có quyết<br>định cấp bằng |
|----|-----------------------------------------|-----------|-------------------|--------------------------|-----|---------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------|
|    |                                         | NCS       | HVCH/C<br>K2/BSNT | Chính                    | Phụ |                                             |                  |                                                                |
| 1  | Viên Tuyết<br>Anh                       |           | X                 | X                        |     | 2021-2022                                   | ĐH Cần Thơ       | 31/12/2021                                                     |
| 2  | Đoàn Anh<br>Thư                         |           | X                 | X                        |     | 2020-2021                                   | ĐH Cần Thơ       | 30/12/2022                                                     |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách                                                 | Loại sách<br>(CK, GT,<br>TK, HD) | Nhà xuất bản<br>và năm xuất<br>bản                       | Số tác<br>giả | Chủ<br>biên | Phần<br>biên soạn<br>(từ trang<br>... đến<br>trang) | Xác nhận của cơ sở<br>GDDH (số văn bản xác<br>nhận sử dụng sách)                                                                                                                                                                                                                      |
|----|----------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------|-------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận PGS/TS                          |                                  |                                                          |               |             |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 1  |                                                          |                                  |                                                          |               |             |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS                            |                                  |                                                          |               |             |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 1  | Sản xuất<br>giống và nuôi<br>thương phẩm<br>cá chạch lấu | TK                               | NXB Nông<br>Nghệp<br>2023<br>ISBN: 978-<br>604-60-3779-8 | 2             | X           | Trang 13-<br>18; trang<br>63-121                    | - Quyết định xuất bản số<br>10/QĐ-NXBNN, ngày<br>15/5/2023;<br>- Số xác nhận đăng ký<br>xuất bản: 1491-<br>2023/CXBIPH/1-<br>119/NN<br>- Giấy xác nhận sử dụng<br>sách tham khảo phục vụ<br>đào tạo số 880/GXN-<br>ĐHAG ngày 23/6/2025<br>của Hiệu trưởng Trường<br>Đại học An Giang. |

|   |                            |    |                                                             |   |   |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                            |
|---|----------------------------|----|-------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | Thủy sản đại cương         | GT | NXB Đại học Quốc gia TP.HCM 2025<br>ISBN: 978-632-606-104-6 | 2 | X | Trang 29-216                                   | - Quyết định xuất bản số 69/QĐ-NXB, TP.HCM ngày 8/5/2025;<br>- Số xác nhận đăng ký xuất bản: 776-2025/CXBIPH/14-15/ĐHQGTPHCM<br>- Giấy xác nhận sử dụng giáo trình phục vụ đào tạo số 849/GXN-ĐHAG ngày 18/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang. |
| 3 | Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt | GT | NXB Nông Nghiệp 2025<br>ISBN: 978-604-60-4094-1             | 2 | X | Trang 26-53; 63-143; 152-164; 172-186; 204-211 | - Quyết định xuất bản số 23/QĐ-NXBNN, Hà nội ngày 28/5/2025;<br>- Số xác nhận đăng ký xuất bản: 1636-2025/CXBIPH/1-20/NN<br>- Giấy xác nhận sử dụng giáo trình phục vụ đào tạo số 848/GXN-ĐHAG ngày 18/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang.     |

Trong đó: số lượng 0 (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: []

**Lưu ý:**

- Chi kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang...đến trang ..(ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                          | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý   | Thời gian thực hiện           | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận PGS/TS                                                                                         |           |                        |                               |                                                     |
| 1  | Xây dựng qui trình sản xuất giống cá chạch lấu ( <i>Mastacembelus armatus</i> ) tại An Giang                            | CN        | 11.03.2007.6, cấp tỉnh | Từ tháng 11/2007 – 02/2010    | 04/3/2010, xếp loại khá                             |
| 2  | Ương giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu (( <i>Mastacembelus favus</i> ) tại tỉnh An Giang                           | CN        | 373.2010.6, cấp tỉnh   | Từ tháng 03/2010-3/2013       | 23/12/2014, xếp loại Khá                            |
| 3  | Nghiên cứu kỹ thuật sản xuất giống cá rô biển ( <i>Pristolepis fasciata</i> ) tại An Giang                              | CN        | 373.2012.3, cấp tỉnh   | Từ tháng 9/2012 – 9/2014      | 30/6/2015, xếp loại khá                             |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS                                                                                           |           |                        |                               |                                                     |
| 1  | Nghiên cứu cải thiện quy trình kỹ thuật nuôi cá rô phi, điều hồng để nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm giá thành sản phẩm | CN        | 373.2018.1, cấp tỉnh   | Từ tháng 373.2018.1, cấp tỉnh | Ngày 7/4/2022, xếp loại khá                         |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------|
|----|------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------|

|      |                                                                                                                                             |   |   |                                                               |                         | trích<br>dẫn) |                                         |            |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------|-----------------------------------------|------------|
| I    | Trước khi được công nhận PGS/TS                                                                                                             |   |   |                                                               |                         |               |                                         |            |
| I.1  | Sự phát triển ống tiêu hóa cá rô biển ( <i>Pristolepis fasciata</i> ) giai đoạn cá bột đến cá hương.                                        | 4 | X | Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ<br>ISSN 1859-2333            |                         |               | 2014, 32, 123-129                       | 12/10/2014 |
| I.2  | Đặc điểm sinh học sinh sản của cá rô biển ( <i>Pristolepis fasciata</i> )                                                                   | 3 | X | Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ<br>ISSN 1859-2333            |                         |               | 2014, số chuyên đề thủy sản (2) 256-262 | 24/9/2014  |
| I.3  | Ảnh hưởng của các loại hoóc môn steroid lên quá trình chín của noãn bào cá rô biển <i>Pristolepis fasciata</i> (Bleeker, 1851)              | 3 |   | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn<br>ISSN 1859-4581 |                         |               | 2015, 20, 111-116                       | 16/10/2015 |
| II   | Sau khi được công nhận PGS/TS                                                                                                               |   |   |                                                               |                         |               |                                         |            |
| II.1 | Study of current status and efficiency of red tilapia ( <i>Oreochromis spp.</i> ) farming in cages in Dong thap province.                   | 1 | X | AGU International Journal of Sciences<br>ISSN 0866-8086       |                         |               | 2019 Vol. 7 (3), 28-36                  | 2019       |
| II.2 | Study on current status of tilapia farming in earthen ponds in An Giang province.                                                           | 1 | X | AGU International Journal of Sciences<br>ISSN 0866-8086       |                         |               | 2020, Vol. 8 (1), 66 – 73               | 2020       |
| II.3 | Impacts of different methods on water quality management on growth performance and quality of tilapia intensively cultured in earthen ponds | 3 | X | Livestock Research for Rural Development<br>ISSN: 0121-3784   | Scopus<br>IF: 0.5<br>Q3 |               | 2021, Vol 33 (10)                       | 01/10/2021 |



|      |                                                                                                                                                                     |   |   |                                                                |                                 |  |                                                     |           |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|----------------------------------------------------------------|---------------------------------|--|-----------------------------------------------------|-----------|
| II.4 | Can the combination of biofloc technology and probiotic application improve feed utilization and production of Nile tilapia ( <i>Oreochromis niloticus</i> )?       | 4 | X | AACL Bioflux, ISSN 1723-1731                                   | Scopus<br><b>IF: 0.66</b><br>Q3 |  | 2022, Volume 15, Issue 1, 424-435                   | 28/2/2022 |
| II.5 | Đặc điểm phân bố cá chạch lấu ( <i>Mastacembelus favus</i> , Hora 1923) trong tự nhiên ở tỉnh Kiên Giang                                                            | 3 | X | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT<br>ISSN 1859-4581                  |                                 |  | 12/2022, số chuyên đề Lâm nghiệp và thủy sản, 82-87 | 19/1/2023 |
| II.6 | Nghiên cứu nuôi trùn chỉ ( <i>Tubifex tubifex</i> Muller 1774) trên nền đáy khác nhau và sử dụng trùn chỉ để ương giống cá chạch lấu ( <i>Mastacembelus favus</i> ) | 1 | X | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT<br>ISSN 1859-4581                  |                                 |  | Kỳ 2. Tháng 4/2023, 51-57                           | 30/4/2023 |
| II.7 | Efficiency of intensive tilapia culture in earthen ponds applied biofloc technology (BFT), probiotics and off-flavor control methods                                | 2 | X | The Journal of Agriculture and Development<br>eISSN: 2615-949X |                                 |  | 2023, 22 (3) , 9-18                                 | 26/4/2023 |
| II.8 | The effect of temperature on digestive enzymatic activities and growth performance of giant gourami ( <i>Osphronemus goramy</i> ) fingerlings                       | 4 | X | AACL Bioflux, ISSN 1723-1731                                   | Scopus<br><b>IF: 0.66</b><br>Q3 |  | 2023, Volume 16, Issue 3, 1722-1931                 | 30/6/2023 |
| II.9 | Ảnh hưởng của độ mặn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá rô biển                                                                                                   | 1 | X | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT                                    |                                 |  | 6/2024, Số chuyên đề Sản                            | 15/6/2024 |

|       |                                                                                                                 |   |   |                                                               |                                 |  |                                                                              |         |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------------------|---------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------|---------|
|       | ( <i>Pristolepis fasciata</i> Bleeker, 1851) giai đoạn giống                                                    |   |   | ISSN 1859-4581                                                |                                 |  | xuất nông nghiệp xanh và an toàn, 227-244                                    |         |
| II.10 | Nghiên cứu sự chọn lựa thức ăn của cá rô biển ( <i>Pristolepis fasciata</i> Bleeker, 1851) sau khi mở miệng     | 2 | X | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT<br>ISSN 1859-4581                 |                                 |  | Tháng 11/2024,<br>Số chuyên đề sản xuất nông nghiệp xanh và an toàn, 124-131 | 11/2024 |
| II.11 | Ảnh hưởng của thức ăn đến sự thành thực sinh dục của cá rô biển ( <i>Pristolepis fasciata</i> Bleeker, 1851)    | 1 | X | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT<br>ISSN 1859-4581                 |                                 |  | Tháng 11/2024,<br>Số chuyên đề sản xuất nông nghiệp xanh và an toàn, 132-140 | 11/2024 |
| II.12 | Effect of Drying Temperature on the Physico-Chemical Properties of Carrot Peel Powder                           | 4 |   | Pakistan Journal of Agricultural Research<br>ISSN: 0251-0480  | Scopus<br><b>IF: 0.68</b><br>Q3 |  | 2024,<br>37(3),<br>232-240                                                   | 9/2024  |
| II.13 | Effects of dietary protein and lipid levels on growth, feed utilization, and body composition of tire track eel | 2 | X | Israeli Journal of Aquaculture – Bamidgeh.<br>ISSN: 0792-156X | Scopus<br><b>IF: 0.5</b><br>Q4  |  | 2025,<br>77(1), 48-58                                                        | 11/2025 |

|                                      |  |  |  |  |  |  |  |
|--------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|
| (Mastacembelus favus)<br>fingerlings |  |  |  |  |  |  |  |
|--------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 04 bài thứ tự [II.3], [II.4], [II.8], và [II.12].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

| TT  | Tên bài báo/báo cáo KH          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|-----|---------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| I   | Trước khi được công nhận PGS/TS |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| ... |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| II  | Sau khi được công nhận PGS/TS   |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| ... |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT  | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|-----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
| 1   |                                                |                 |                    |                            |            |
| ... |                                                |                 |                    |                            |            |

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

| TT  | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|-----|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| 1   |                                                              |                           |                                          |                                  |            |
| ... |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN                                       | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế   | Ghi chú |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|---------|
| 1  | Đề án tuyển chọn và phát triển sinh viên tài năng tại trường Đại học An Giang giai đoạn 2023-2027 | Tham gia                       | QĐ số 1741/QĐ-ĐHAG ngày 16/8/2023            | Trường Đại học An Giang            | QĐ số 168/QĐ-ĐHAG ngày 23/1/2025  |         |
| 2  | Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo Nuôi trồng thủy sản                                     | Tham gia                       | QĐ số 1340/QĐ-ĐHAG ngày 03/8/2018            | Trường Đại học An Giang            |                                   |         |
| 3  | Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Nuôi trồng thủy sản                | Tham gia                       | QĐ số 781/QĐ-ĐHAG ngày 04/5/2024             | Trường Đại học An Giang            | QĐ số 2655/QĐ-ĐHAG ngày 8/11/2024 |         |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....  
+ Đã hướng dẫn chính 01 ☐ HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng  
ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng  
ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....  
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....  
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; ☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế  
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho  
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân  
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được  
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

An Giang, ngày 24 tháng 6 năm 2025

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**PHAN PHƯƠNG LOAN**